

GIẢI PHÁP CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG CHO PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM THỊT LỢN TẠI HÀ NỘI

Tạ Văn Tường^{1*}, Đỗ Kim Chung²

¹*NCS Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: tuongvt1@gmail.com*

Ngày nhận bài: 01.01.2019

Ngày chấp nhận: 15.05.2019

TÓM TẮT

Với mục tiêu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội, nghiên cứu điều tra các cơ quan cung cấp và các tác nhân tiếp nhận dịch vụ công cho phát triển chuỗi thịt lợn. Nghiên cứu được tiến hành thông qua khảo sát 150 người cung cấp và 300 người tiếp nhận dịch vụ công ở các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội. Nghiên cứu tiến hành điều tra thông qua phiếu hỏi và phỏng vấn sâu các tác nhân, đại diện đơn vị. Kết quả cho thấy dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn do các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp và tư nhân cung cấp. Tuy nhiên, có sự chông chéo giữa các loại dịch vụ, có hiện tượng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, nặng về tiền kiểm. Mặc dù phí dịch vụ thấp nhưng chi phí để có dịch vụ công lại cao. Tất cả các dịch vụ được cung cấp trực tiếp, chưa có dịch vụ nào thực hiện qua trực tuyến. Phần lớn khách hàng chưa thật sự hài lòng về các dịch vụ họ nhận được. Để cung cấp dịch vụ công tốt hơn, cần chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, từ chỉ đạo sang kiến tạo với sự tham gia của các đơn vị sự nghiệp và khu vực tư nhân, thực hiện cơ chế giá dịch vụ công, kết hợp linh hoạt các phương thức cung cấp truyền thống với trực tuyến, nâng cao năng lực và kỹ năng của người cung cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phổ biến các dịch vụ công cho các tác nhân trong chuỗi

Từ khoá: Cung cấp dịch vụ công, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn, tác nhân.

Public Service Solutions for the Development of Pork Value Chain in Hanoi

ABSTRACT

The objective is to assess the situation and propose solutions to provide public services for the development of pork value chain in Hanoi. Surveys were conducted with 150 providers and 300 receivers of public services for pork value chain development in Hanoi. The study conducted surveys through questionnaires and in-depth interviews with agents and unit representatives. It was found that the public services for pork value chain development were provided by state management offices, state service providers and private sector. However, there were overlaps among public services; state service providers play both roles of players and referee and highly concentrated in prior-checking in public service provision. Service fees were low but the costs for accessing the services were high. All the services were provided in a mode of direct meeting at the offices, no service was provided on-line. Virtually, customers were not highly satisfied with the public services they got. In order to improve public service provision, there is a need to change viewpoints on sector state management, moving from prior-checking to post-product controlling, from instructing to enabling a strong participation of public and private sectors, applying a price-based mechanism in the public service provision, flexible application of both traditional and online service provision modes, upgrading knowledge, skills and attitude of service, and strong dissemination of public services to customers involved in the pork value chain.

Keywords: Public service provision, pork product value chain development, actors.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hà Nội có nhu cầu về sản phẩm thịt lợn ngày càng cao, đặc biệt là thực phẩm an toàn và

rõ nguồn gốc xuất xứ. Nhu cầu tiêu dùng thịt lợn của Hà Nội năm 2018 là khoảng 950 tấn/ngày (Trung tâm Phát triển chăn nuôi Hà Nội, 2018). Tuy nhiên, chỉ khoảng 3,2% sản phẩm trên được

tiêu thụ qua chuỗi và đây là con số rất nhỏ, đáng quan ngại. Để phát triển được chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ngoài sự nỗ lực của khu vực tư nhân còn đòi hỏi phải có sự tham gia của khu vực công, đặc biệt là vai trò của nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị. Các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn rất cần các loại dịch vụ công như: Thông tin và hướng dẫn các tác nhân trong chuỗi liên kết, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận sản phẩm an toàn, đạt chuẩn, xây dựng thương hiệu, quản lý an toàn thực phẩm trong chuỗi... Tuy nhiên hiện nay, hệ thống cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội còn có nhiều vấn đề bất cập. Các dịch vụ công được cung cấp chưa thật sự phù hợp với nhu cầu của các chuỗi cũng như các tác nhân tham gia chuỗi. Một số dịch vụ công còn chồng chéo giữa các cơ quan cung cấp. Một số khác được quy định trong chức năng nhiệm vụ của các cơ quan nhưng lại chưa được cung cấp do những nguyên nhân về cơ sở hạ tầng, năng lực trình độ của công chức, viên chức cung cấp... Từ trước đến giờ đã có nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị nông sản như Nguyễn Thị Thúy Vinh (2014), Nguyễn Thị Dương Nga và cs. (2016), Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà (2016), Đỗ Thị Diệp và Nguyễn Hữu Giáp (2016), Nguyễn Văn Tú và Đỗ Kim Chung (2016), Đỗ Kim Chung và cs. (2016), Đỗ Quang Giám và cs. (2015). Mặc dù vậy, chưa có nghiên cứu nào thảo luận sâu về cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị, đặc biệt đối với chuỗi thịt lợn. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội và đề xuất giải pháp tăng hiệu quả cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại thành phố Hà Nội.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp tiếp cận theo chuỗi giá trị, tiếp cận theo 2 khu vực gồm khu vực công và khu vực tư nhân, tiếp cận theo định hướng thị trường. Từ các phương pháp tiếp cận trên cùng với nội dung nghiên cứu được đưa ra, nghiên cứu xây dựng được khung phân tích như sơ đồ 1.

Dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn bao gồm các dịch vụ chung cho toàn chuỗi và dịch vụ tại từng khâu (sản xuất, thu gom, giết mổ, bán lẻ, người tiêu dùng). Nghiên cứu này tập trung thảo luận các dịch vụ công liên quan đến phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn, hơn là thảo luận các dịch vụ công liên quan đến phát triển ngành chăn nuôi lợn. Để có đủ thông tin, nghiên cứu này khảo sát 90 công chức của cơ quan quản lý nhà nước, 90 viên chức của đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân cung cấp dịch vụ công ở cấp thành phố, các quận, huyện. Để có thông tin về tiếp nhận, phản hồi về việc cung cấp dịch vụ công, nghiên cứu này khảo sát 150 người cung cấp đầu vào, chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ của 5 chuỗi sản phẩm thịt (Hoàng Long, Bảo Châu, Organic Green, Vinh Anh và Đồng Tâm), ngoài ra, còn khảo sát tổng số 150 hộ chăn nuôi (số hộ tham gia chuỗi và chưa tham gia chuỗi bằng nhau là 75 hộ).

Phương pháp cơ bản để phân tích là phương pháp thống kê mô tả, sử dụng tần suất, số trung bình, độ lệch chuẩn bình quân để đánh giá quá trình cung cấp và tiếp nhận dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn của các tác nhân liên quan. Quá trình phân tích còn sử dụng các phương pháp thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu các tác nhân theo cách tiếp cận theo chuỗi giá trị, theo các nhóm cơ quan cung cấp dịch vụ công và các nhóm tác nhân thụ hưởng các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn của các cơ quan quản lý Nhà nước

3.1.1. Các loại dịch vụ công và cơ quan cung cấp

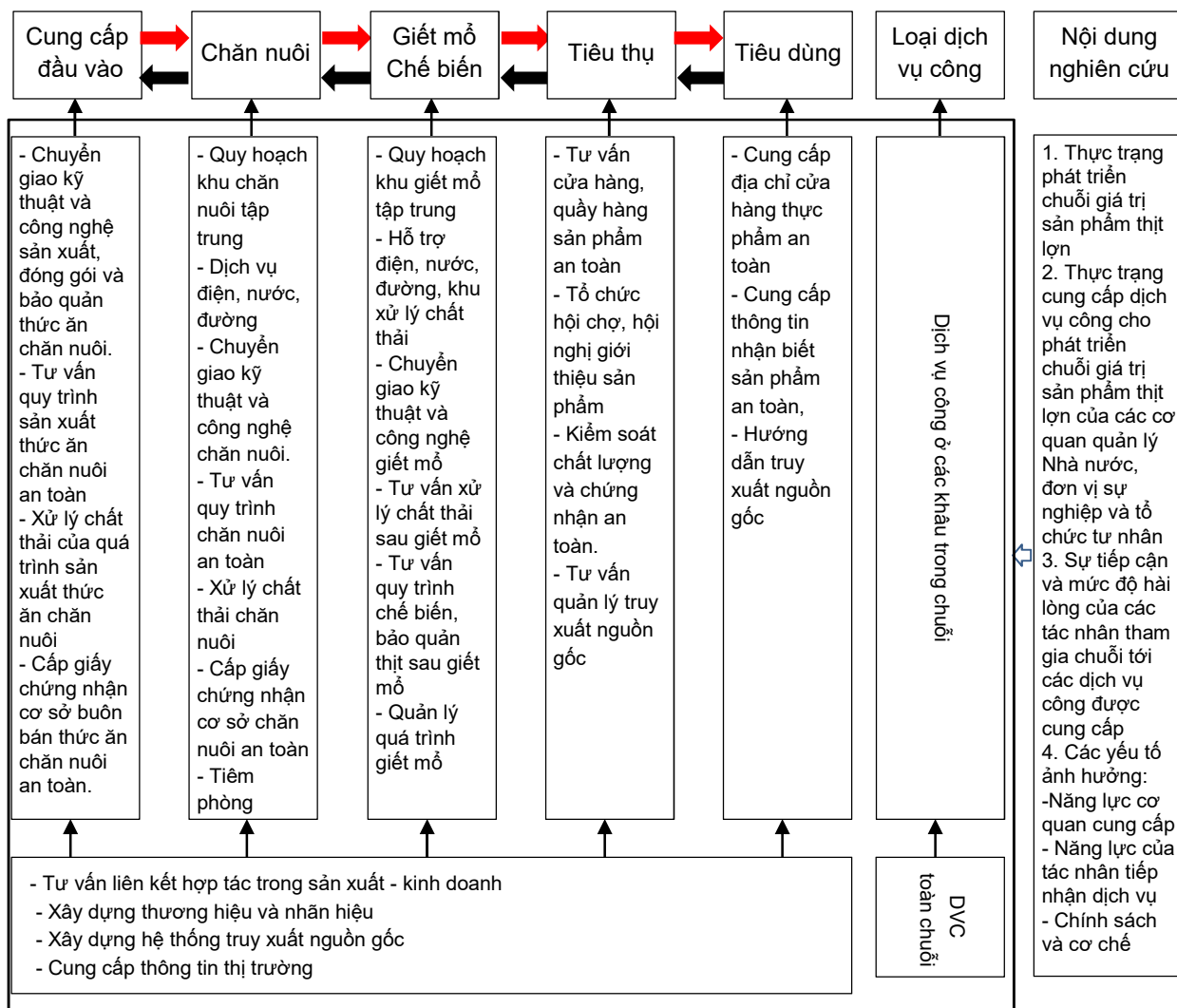
Ở Hà Nội cơ quan quản lý nhà nước cung cấp 20 trong 25 loại dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt (Bảng 1) (UBND thành phố Hà Nội, 2018; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, 2015; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, 2018; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, 2018; Chi cục Thú y, 2018; Sở Công thương Hà Nội, 2016; Công thương thành phố

Hà Nội, 2018; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, 2018). Tuy vậy, chỉ có 80% số dịch vụ đã được tiếp nhận bởi các tác nhân. Những dịch vụ công này gồm: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, hay cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm...

Vẫn còn có 4 dịch vụ công (20%) chưa được các tác nhân tiếp nhận biết đến hay sử dụng như: Các dịch vụ công về giống và cung cấp giống; Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh... Có 4 nhóm lý do cơ bản làm cho các tác nhân chưa tiếp nhận được các dịch vụ công (Bảng 2). Điều đó chứng tỏ rằng công tác tuyên truyền và

phương pháp cung cấp chưa thực sự hiệu quả.

Trong quy định nhiệm vụ của các cơ quan có ghi nhưng các cơ quan không làm vì cơ quan không có đủ kinh phí và phương tiện để triển khai (55%) và chưa có chỉ đạo thực hiện (34%). Cùng một loại dịch vụ được cung cấp bởi nhiều cơ quan quản lý Nhà nước như Chi cục Thú y, Chi cục Quản lý chất lượng và một số cơ quan Ban ngành thuộc ngành khác nhưng có liên quan như Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm của Sở Y tế, Sở Công thương... Tình trạng trên đã tạo sự chồng chéo giữa các cơ quan, vừa cung cấp dịch vụ công lại vừa thực hiện chỉ đạo, kiểm tra quá trình thực hiện (cấp chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở cùng một cơ quan).



Sơ đồ 1. Khung phân tích nghiên cứu cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị thịt lợn

Bảng 1. Số dịch vụ công được cung cấp và được các tác nhân tiếp nhận theo các khâu trong chuỗi

Khâu trong chuỗi	Tổng số dịch vụ công	Số lượng dịch vụ công mà các tác nhân đã tiếp nhận	Chênh lệch (\pm)
Cung cấp đầu vào	5	4	-1
Chăn nuôi	5	4	-1
Giết mổ, chế biến	5	4	-1
Tiêu thụ	3	3	0
Toàn chuỗi	2	1	-1
Tổng	20	16	-4
%	100	80	20

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2018

Bảng 2. Số tác nhân theo các lý do không tiếp cận được đầy đủ các dịch vụ công

Lý do	Số ý kiến (người)	Tỷ lệ ý kiến (%)
Không biết đến dịch vụ công	167	39,76
Tính hiệu quả chưa cao, gần như không có tác dụng gì	113	26,90
Chi phí cho dịch vụ công cao	64	15,24
Biết nhưng không cần đến dịch vụ công đó	99	23,57

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2018

Bảng 3. Số dịch vụ công được cung cấp bởi các cơ quan quản lý Nhà nước và số dịch vụ công thu phí theo các tác nhân trong chuỗi

Khâu trong chuỗi	Số lượng dịch vụ công mà cơ quan cung cấp dịch vụ công báo cáo	Số lượng dịch vụ công có thu phí	Tỷ lệ dịch vụ thu phí (%)
Cung cấp đầu vào	5	5	100,0
Chăn nuôi	5	5	100,0
Giết mổ, chế biến	5	5	100,0
Tiêu thụ	3	3	100,0
Toàn chuỗi	2	0	0
Tổng	20	18	90,0

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2018

3.1.2. Phí cho việc sử dụng dịch vụ công

Có hai nhóm dịch vụ là miễn phí và thu phí. Các dịch vụ công có thu phí tập trung nhiều ở khâu cung cấp đầu vào, giết mổ, chế biến và tiêu thụ (Bảng 3).

Theo mức quy định của Bộ Tài chính (2012; 2016), mức phí cung cấp dịch vụ thường thấp. Vì thế, 63,3% công chức cho rằng cơ quan không đủ nguồn lực để thực hiện hiệu quả cung cấp dịch vụ công; 35,5% cho rằng mức phí không kích

thích người cung cấp, dẫn đến các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng. Người tiếp nhận dịch vụ công nhất là ở khâu chăn nuôi, cung cấp đầu vào và chế biến phải chi thêm ngoài hoá đơn, làm cho chi phí để có được dịch vụ công cao từ 3-5 lần hoặc hơn so với mức phí quy định (Bảng 4).

3.1.3. Phương thức cung cấp dịch vụ công

Tất cả dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn đang được cung cấp trực tiếp tại các cơ, và tư vấn tại cơ sở (Bảng 5).

Bảng 4. Số người tiếp nhận dịch vụ công có đồng quan điểm về chi phí dịch vụ công cao

Khâu	Số người có ý kiến	Tỷ lệ ý kiến (%)
Cung cấp đầu vào (n = 30)	14	46,67
Chăn nuôi (n = 150)	93	62,00
Giết mổ (n = 30)	9	30,00
Chế biến (n = 30)	12	40,00
Phân phối và tiêu thụ (n = 30)	11	36,67

Bảng 5. Số dịch vụ công của cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp ở các khâu phân theo các phương thức cung cấp

Khâu trong chuỗi	Tổng số dịch vụ công	Đến tiếp xúc trực tiếp tại cơ quan QLNN		Tư vấn tại cơ sở	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cung cấp đầu vào	5	4	80,0	1	20,0
Chăn nuôi	5	0	0	5	100,0
Giết mổ, chế biến	5	1	20,0	4	80,0
Tiêu thụ	3	1	33,3	2	66,7
Toàn chuỗi	2	1	50,0	1	50,0
Tổng	20	7	35,0	13	65,0

Bảng 6. Số công chức theo lý do chưa thực hiện cung cấp dịch vụ công qua hình thức trực tuyến (n = 90)

Lý do	Số lượng ý kiến	Tỷ lệ ý kiến (%)
Vấn quen cách làm cũ	25	27,78
Năng lực của cán bộ cung cấp còn hạn chế	43	47,78
Cơ sở vật chất-kỹ thuật lạc hậu	75	83,33

Cung cấp dịch vụ công trực tiếp làm cho người tiếp nhận mất nhiều thời gian đi lại. Chưa có dịch vụ công nào được cung cấp theo phương thức trực tuyến do hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, năng lực của cán bộ cung cấp còn hạn chế (Bảng 6).

3.2. Tình hình cung cấp dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân

3.2.1. Các loại dịch vụ công và đơn vị cung cấp

Các đơn vị sự nghiệp và tư nhân đã cung cấp 8 dịch vụ công. Khác với cơ quan quản lý nhà nước, tất cả các dịch vụ công cung cấp của các tổ chức này đều được các tác nhân tiếp (Bảng 7).

3.2.2. Phí cho việc sử dụng dịch vụ công

Khoảng hơn 87% số dịch vụ cung cấp là có thu phí (Bảng 8). Có 2 hình thức là thu phí theo biểu phí do Nhà nước quy định và định giá dịch vụ của đơn vị hoặc theo sự thỏa thuận. Hình thức thỏa thuận áp dụng với dịch vụ ở các khâu lấy mẫu và kiểm nghiệm. Mức phí cung cấp theo quan điểm của người cung cấp, thường thấp hơn so với chi phí thực theo các tác nhân cho rằng: Chi phí người tiếp nhận phải chi trả thì không rõ. Ngoài ra, người tiếp nhận dịch vụ công còn phải chi trả cho những thủ tục không chính thức và những yêu cầu phát sinh (lấy mẫu kiểm nghiệm cho những chỉ tiêu không thật sự cần thiết).

Bảng 7. Số dịch vụ công được cung cấp và được các tác nhân tiếp nhận theo các khâu trong chuỗi (2018)

Khâu trong chuỗi	Tổng số dịch vụ công	Số lượng dịch vụ công mà các tác nhân đã tiếp nhận	Chênh lệch (±)
Cung cấp đầu vào	2	2	100,0
Chăn nuôi	2	2	100,0
Giết mổ, chế biến	1	1	100,0
Tiêu thụ	1	1	100,0
Toàn chuỗi	2	2	100,0
Tổng	8	8	100,0

Bảng 8. Số dịch vụ công được cung cấp và số dịch vụ công thu phí theo các khâu trong chuỗi (2018)

Khâu trong chuỗi	Số lượng dịch vụ công mà đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ công báo cáo	Số lượng dịch vụ công có thu phí	Tỷ lệ (%)
Cung cấp đầu vào	2	2	100,0
Chăn nuôi	2	2	100,0
Giết mổ, chế biến	1	1	100,0
Tiêu thụ	1	1	100,0
Toàn chuỗi	2	1	50,0
Tổng	8	7	87,5

Bảng 9. Số dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp/tổ chức tư nhân cung cấp ở các khâu phân theo các phương thức cung cấp (2018)

Các khâu	Tổng số dịch vụ công	Phương thức cung cấp			
		Đến tiếp xúc trực tiếp tại đơn vị cung cấp		Tư vấn tại cơ sở	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cung cấp đầu vào	2	1	50,0	2	100,0
Chăn nuôi	2	1	50,0	2	100,0
Giết mổ, chế biến	1	1	100,0	1	100,0
Tiêu thụ	1	1	100,0	1	100,0
Toàn chuỗi	2	2	100,0	1	50,0
Tổng	8	6	75,0	7	87,5

3.2.3. Phương thức cung cấp dịch vụ công

Có 75% số dịch vụ công được cung cấp trực tiếp tại cơ quan cung cấp. Trong khi đó, có đến gần 88% số dịch vụ công được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân theo phương thức đến tư vấn tại cơ sở (Bảng 9).

Chưa có dịch vụ nào được cung cấp qua con đường trực tuyến (online). Nguyên nhân của

tình trạng này là do: i) năng lực của cán bộ cung cấp (trình độ công nghệ thông tin, năng lực sử dụng công nghệ...) và ii) hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật (máy móc công nghệ, máy vi tính, hệ thống mạng internet, phần mềm cung cấp và quản lý dịch vụ...) còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Điều này khá tương đồng với những khó khăn của các cơ quan quản lý Nhà nước.

3.3. Sự hài lòng của các tác nhân với các dịch vụ công trong chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn

Ở khâu cung cấp đầu vào, trừ các hoạt động tư vấn và cấp chứng chỉ hành nghề thuốc thú y, có đến trên 43% số khách hàng chưa thật sự hài lòng với dịch vụ công mà họ nhận được (Bảng 10) vì chi phí cao, thủ tục phức tạp và thái độ chưa đúng mực của cán bộ và đơn vị cung cấp.

Trong khâu chăn nuôi, có trên 21% số người chăn nuôi không hài lòng về dịch vụ công mà họ nhận được (Bảng 11). Nguyên nhân chính là chi

phí bỏ ra cao, sự phức tạp về và quy trình thủ tục, tốn kém nhiều thời gian. Tuy vậy, nhóm có tham gia chuỗi có tỷ lệ hài lòng cao hơn so với nhóm chưa tham gia chuỗi. Lý do cơ bản là họ đã được sự hỗ của chủ chuỗi khi tiếp nhận và sử dụng các dịch vụ đó.

Trong khâu giết mổ, chế biến, đóng gói và tiêu thụ có ít nhất từ 50% trở lên số người được phỏng vấn ở khâu giết mổ, chế biến và khoảng trên 26% số người ở khâu tiêu thụ chưa thực sự hài lòng về những dịch vụ công mà họ nhận được. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do chi phí ngoài hoá đơn cao và thái độ phục vụ của người cung cấp.

Bảng 10. Tỷ lệ số người được phỏng vấn ở khâu cung cấp đầu vào theo mức độ hài lòng của họ về việc cung cấp dịch vụ công của các cơ quan cung cấp (n = 30)

Dịch vụ công	Mức đánh giá		
	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng
Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi	43,33	50,00	6,67
Cấp chứng chỉ hành nghề thuốc thú y	13,33	66,67	20,00
Cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	50,00	50,00	-
Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (HAPSAP, ISO...) để tự công bố	-	26,67	73,33
Phân tích và kiểm nghiệm mẫu thức ăn chăn nuôi	56,67	43,33	-

Bảng 11. Số người được phỏng vấn ở khâu chăn nuôi theo mức độ hài lòng của họ về việc cung cấp dịch vụ công (2018)

Dịch vụ công	Mức đánh giá	Cơ sở không tham gia chuỗi (n = 75)	Cơ sở có tham gia chuỗi (n = 75)	Chung (n = 150)
Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	Không hài lòng	40,00	13,30	26,70
	Bình thường	53,30	29,30	41,30
	Hài lòng	6,70	57,30	32,00
Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Không hài lòng	100,00	96,00	97,00
	Bình thường	-	4,00	3,00
	Hài lòng	-	-	-
Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y	Không hài lòng	33,33	24,00	41,30
	Bình thường	66,67	50,67	58,70
	Hài lòng	-	25,33	-
Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm	Không hài lòng	42,67	-	21,33
	Bình thường	33,33	54,67	44,00
	Hài lòng	24,00	45,33	34,67
Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...)	Không hài lòng	-	-	-
	Bình thường	77,33	52,00	64,67
	Hài lòng	22,67	48,00	35,33

Bảng 12. Số người được phỏng vấn ở khâu giết mổ, chế biến và tiêu thụ theo mức độ hài lòng của họ về việc cung cấp dịch vụ công (2018)

Loại dịch vụ	Mức đánh giá		
	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng
A. GIẾT MỔ, CHẾ BIẾN			
Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y	50,00	50,00	-
Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	66,70	33,30	-
Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật lưu thông trong nội bộ tỉnh	50,00	40,00	10,00
Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP	70,00	30,00	-
Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm	-	100,00	-
B. TIÊU THỤ			
Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP	30,0	70,0	-
Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	50,0	50,0	-
Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm	-	86,7	13,3
Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y	26,7	73,3	-

Bảng 13. Sự hài lòng của người tiêu dùng về những vấn đề liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm thịt lợn (n = 150)

Loại dịch vụ	Mức đánh giá (%)		
	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng
Sự đảm bảo về chất lượng, an toàn thực phẩm	92,0	8,0	-
Tuyên truyền về ATVSTP và cách nhận biết các sản phẩm an toàn	50,0	50,0	-
Xử lý của các cơ quan/đơn vị khi có vi phạm về VSATTP	62,0	38,0	-

Từ những kết quả trên có thể thấy rằng, với hai nhóm dịch vụ công được cung cấp bởi các cơ quan quản lý Nhà nước và cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp, tổ chức tư nhân thì những dịch vụ công được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân thường đạt được sự hài lòng của các tác nhân tiếp nhận cao hơn so với các cơ quan quản lý Nhà nước. Điểm trừ lớn nhất trong việc cung cấp các dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân so với các cơ quan quản lý Nhà nước là ở mức phí cung cấp dịch vụ đôi khi còn cao, chưa thực sự phù hợp với các tác nhân chuỗi tiếp cận.

Kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung, người tiêu dùng chưa hài lòng với các vấn đề liên quan đến tiêu dùng các sản phẩm thịt lợn trên thị trường hiện nay (Bảng 13).

3.4. Một số giải pháp đổi mới cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội

Hiện nay, các dịch vụ công được cung cấp phần lớn hướng đến từng tác nhân đơn lẻ trong hệ thống chăn nuôi và sản xuất thịt lợn. Mỗi khâu trong chuỗi sẽ có những tác nhân tương ứng để tiếp cận tới các dịch vụ công. Tuy nhiên, ở Hà Nội, các chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn vẫn còn chưa phát triển mạnh, các tác nhân vẫn chủ yếu sản xuất đơn lẻ, tỷ lệ tham gia chuỗi còn thấp. Do vậy, để phát triển và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn, cần hướng đến cải thiện và bổ sung, hoàn thiện các dịch vụ công cho toàn chuỗi (chủ chuỗi và toàn bộ các tác nhân tham gia

Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội

chuỗi) chứ không cung cấp phân tán cho từng tác đơn lẻ như hiện nay. Để đạt được như vậy, trước hết cần có quá trình đổi mới, cải thiện cung cấp các dịch vụ công thông qua một số giải pháp sau:

Phụ lục 1. Những dịch vụ công dự kiến loại bỏ, bổ sung và kết hợp

Nhóm	Dịch vụ công	Khâu
1. Loại bỏ (1)	1. Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật, vật tư hóa chất chuyên dùng cho chăn nuôi	Cung cấp đầu vào
2. Bổ sung (23)	1. Tiếp nhận và công bố bản tự công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật, vật tư hóa chất chuyên dùng cho chăn nuôi	Cung cấp đầu vào
	2. Hậu kiểm và công bố kết quả hậu kiểm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp	Cung cấp đầu vào
	3. Chứng nhận hồ sơ tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp	Cung cấp đầu vào
	4. Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm vật tư đầu vào	Cung cấp đầu vào
	5. Kiểm tra điều kiện và quy trình sản xuất sản phẩm vật tư đầu vào	Cung cấp đầu vào
	6. Kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào tự công bố	Cung cấp đầu vào
	7. Tư vấn kỹ thuật, quản lý chất lượng, nâng cao năng suất	Chăn nuôi
	8. Quản lý giống cho đàn nái và cấp giấy chứng nhận quản lý giống	Chăn nuôi
	9. Tư vấn áp dụng các quy trình sản xuất	Chăn nuôi
	10. Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật lưu thông trong nội bộ tỉnh	Chăn nuôi
	11. Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp để tự công bố	Chăn nuôi
	12. Kiểm tra điều kiện và quy trình sản xuất được áp dụng	Chăn nuôi
	13. Tư vấn kỹ thuật, quản lý chất lượng	Giết mổ, chế biến
	14. Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Giết mổ, chế biến
	15. Tiếp nhận và công bố bản tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp	Giết mổ, chế biến
	16. Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp tự công bố	Giết mổ, chế biến
	17. Kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tự công bố	Giết mổ, chế biến
	18. Hậu kiểm và công bố kết quả hậu kiểm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp	Giết mổ, chế biến
	19. Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp để tự công bố	Tiêu thụ
	20. Kiểm tra điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiêu thụ
	21. Tư vấn xây dựng chuỗi	Toàn chuỗi
	22. Tư vấn truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Toàn chuỗi
	23. Tư vấn Đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu	Toàn chuỗi
4. Chuyển đổi về 1 cơ quan cung cấp (3)	1. Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (HAPSAP, ISO...) để tự công bố	Cung cấp đầu vào
	2. Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...)	Chăn nuôi
	3. Tuyên truyền, xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm	Toàn chuỗi

**Phụ lục 2. Phân tích chức năng cung cấp dịch vụ công giữa các cơ quan QLNN
và đơn vị sự nghiệp theo hiện tại và phương án đề xuất**

Các khâu trong chuỗi	TT	Dịch vụ công	Hiện trạng		Đề xuất	
			Cơ quan quản lý Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp/Tổ chức tư nhân	Cơ quan quản lý Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp/Tổ chức tư nhân
Tổng số dịch vụ công			19	8	23	26
CC đầu vào	1	Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi	x			x
	2	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y	x		x	
	3	Cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	x			x
	4	Tiếp nhận và công bố bản tự công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật, vật tư hóa chất chuyên dùng cho chăn nuôi	chưa có	chưa có	x	
	5	Kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào tự công bố	chưa có	chưa có	x	
	6	Hậu kiểm và công bố kết quả hậu kiểm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp	chưa có	chưa có	x	
	7	Chứng nhận hồ sơ tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp	chưa có	chưa có		x
	8	Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm vật tư đầu vào	chưa có	chưa có		x
	9	Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (HAPSAP, ISO...) để tự công bố	x	x		x
	10	Kiểm tra điều kiện và quy trình sản xuất sản phẩm vật tư đầu vào	chưa có	chưa có	x	
	11	Phân tích và kiểm nghiệm mẫu thức ăn chăn nuôi		x		x
Chăn nuôi	1	Tư vấn kỹ thuật, quản lý chất lượng, nâng cao năng suất	chưa có	chưa có		x
	2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	x		x	
	3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	x		x	
	4	Quản lý giống cho đàn nái và cấp giấy chứng nhận quản lý giống	chưa có	chưa có		x
	5	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	x		x	
	6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y	x		x	
	7	Chứng nhận quy trình sản xuất được áp dụng (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...)	x	x		x
	8	Tư vấn áp dụng các quy trình sản xuất	chưa có	chưa có		x
	9	Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật lưu thông trong nội bộ tỉnh	chưa có	chưa có	x	
	10	Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp để tự công bố	chưa có	chưa có		x
	11	Kiểm tra điều kiện và quy trình sản xuất được áp dụng	chưa có	chưa có	x	

Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội

	12	Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm		x		x
Giết mổ, chế biến	1	Tư vấn kỹ thuật, quản lý chất lượng	chưa có	chưa có		x
	2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	x			x
	3	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	x		x	
	4	Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	chưa có	chưa có		x
	5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y	x		x	
	6	Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật lưu thông trong nội bộ tỉnh	x		x	
	7	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	x		x	
	8	Tiếp nhận và công bố bản tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp	chưa có	chưa có	x	
	9	Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp tự công bố	chưa có	chưa có		x
	10	Kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tự công bố	chưa có	chưa có	x	
	11	Hậu kiểm và công bố kết quả hậu kiểm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp	chưa có	chưa có	x	
	12	Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm		x		x
Tiêu thụ	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	x			x
	2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y	x			x
	3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	x		x	
	4	Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp để tự công bố	chưa có	chưa có		x
	5	Kiểm tra điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	chưa có	chưa có	x	
	6	Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm		x		x
Toàn chuỗi	1	Tư vấn xây dựng chuỗi	chưa có	chưa có		x
	2	Tuyên truyền, xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm	x	x		x
	3	Tư vấn truy xuất nguồn gốc sản phẩm	chưa có	chưa có	x	x
	4	Kiểm tra truy xuất nguồn gốc sản phẩm	x		x	
	5	Tư vấn Đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu	chưa có	chưa có	x	x
	6	Phân tích và kiểm nghiệm mẫu sản phẩm, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm		x		x

3.4.1. Điều chỉnh các dịch vụ công

Hiện ở Hà Nội có 25 loại dịch vụ được cung cấp để phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn. Tuy nhiên, trong số những dịch vụ công này lại có một số dịch vụ công được quy định trong

nhệm vụ nhưng không được cung cấp bởi nhiều nguyên nhân. Vì thế, cần loại bỏ 1 dịch vụ công chồng chéo ở các khâu và thể hiện cách quản lý cũ là tiền kiểm (Phụ lục 1). Cần bổ sung thêm 23 dịch vụ công cho phù hợp với nhu cầu phát

triển, tạo điều kiện cho các chuỗi phát triển. Riêng hai dịch vụ công về lấy mẫu phân tích, kiểm định chất lượng được kết hợp thành một vì các dịch vụ công này cần thiết và là cơ sở để cung cấp nhiều dịch vụ công khác ở các khâu khác nhau (Phụ lục 1).

Có 3 dịch vụ công hiện đang chồng chéo (do cả cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp, các tổ chức tư nhân cùng cung cấp) và cần được chuyển đổi về một bên cơ quan, đơn vị cung cấp thống nhất (Phụ lục 1). Theo nội dung cung cấp của các dịch vụ công này (tư vấn, tập huấn, đào tạo và tuyên truyền, giới thiệu), cơ quan được tập trung cung cấp sẽ là các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân có trách nhiệm được quy định trong chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức.

3.4.2. Xác định lại nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công

Cần đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công chuyển từ cơ chế hành chính, bắt buộc sang tự nguyện, tạo điều kiện để tác nhân trong chuỗi tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự công bố theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Vì vậy, trong tổng số 49 dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt, cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp 23 dịch vụ công, số dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân cung cấp là 26 dịch vụ công (Phụ lục 2)

Để phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, cùng với đó là bản chất hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tổ chức tư nhân, cần chuyển các dịch vụ như đào tạo, tập huấn, tư vấn xây dựng chuỗi, liên kết tiêu thụ và các dịch vụ công về cấp các loại giấy chứng nhận... từ cơ quan quản lý Nhà nước sang cho các đơn vị sự nghiệp, tổ chức tư nhân thực hiện. Các cơ quan quản lý Nhà nước như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý chất lượng... sẽ chỉ thực hiện các dịch vụ như cấp các giấy chứng nhận hay hậu kiểm công bố, tự công bố về điều kiện sản xuất, quy trình sản xuất, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm sau khi doanh nghiệp, người sản xuất đã thực hiện tự công bố và nộp hồ sơ tự công bố về cơ quan quản lý Nhà nước. Các đơn vị sự nghiệp và

tổ chức chứng nhận tư nhân chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ về kiểm nghiệm và chứng nhận các tiêu chuẩn chất lượng cho sản phẩm (VietGAP, ISO, HACCP...), cung cấp dịch vụ đánh giá và tư vấn xây dựng hồ sơ tự công bố của doanh nghiệp, người sản xuất.

3.4.3. Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công

Cần đa dạng hoá phương thức cung cấp dịch vụ công, nhất là áp dụng dịch vụ công trực tuyến để việc cung cấp dễ dàng, thuận tiện và minh bạch, tiết kiệm thời gian và nguồn lực cả bên cung cấp và người tiếp nhận. Cần đổi mới trong điều hành và lãnh đạo của cơ quan cung cấp, tăng cường máy tính, đường truyền, phần mềm ứng dụng..., tích hợp với trung tâm hành chính công của thành phố với việc cung cấp các dịch vụ này, đồng thời, nâng cao năng lực và phẩm chất của các công chức, viên chức trong cung cấp các dịch vụ công. Từ đó sẽ hạn chế được những tiêu cực, bất cập có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ công.

3.4.4. Đổi mới cơ chế phí và giá dịch vụ công

Vẫn áp dụng mức phí do nhà nước quy định với các dịch vụ công do các cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp. Các dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp và tư nhân cung cấp là tự nguyện và được thực hiện theo cơ chế thu giá dịch vụ. Giá những dịch vụ này dựa trên sự thoả thuận giữa người cung cấp và người tiếp dựa trên những hướng dẫn, quy định của Nhà nước. Điều sẽ làm khắc phục những bất cập về vấn đề phí thấp nhưng chi phí lại cao, hạn chế tiêu cực và giúp cho các dịch vụ công được cung cấp hiệu quả.

3.4.5. Làm tốt công tác tuyên truyền về các dịch vụ công

Kết quả khảo sát cho thấy một lượng khá lớn các tác nhân vẫn chưa biết về một số loại dịch vụ công. Do đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền về tầm quan trọng, lợi ích và cách thức tiếp cận để có được các dịch vụ công cho phát triển chuỗi. Cần có những giải pháp để phổ biến các dịch vụ công cần thiết tới từng tác nhân sản xuất cũng như các chuỗi sản xuất đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Việc tuyên truyền này cần thực

hiện kết hợp đa dạng giữa các phương thức, các kênh truyền thông khác nhau để có thể đạt được hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó là hoàn thiện cơ sở hạ tầng cũng như hệ thống cung cấp các dịch vụ công để các tác nhân và các chuỗi sản xuất có thể dễ dàng tiếp cận hơn.

4. KẾT LUẬN

Ở Hà Nội, 25 dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn đang được cung cấp bởi cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân. Có hiện tượng chồng chéo các loại dịch vụ trong cùng một cơ quan và giữa các cơ quan cung cấp. Có hiện tượng cơ quan quản lý Nhà nước vừa đá bóng, vừa thổi còi, nặng về tiền kiểm. Các tác nhân trong chuỗi chưa tiếp cận được 20% số dịch vụ công mà cơ quan quản lý Nhà nước. Nhìn chung, phí thấp nhưng chi phí để có dịch vụ công cao. Các dịch vụ đều được cung cấp trực tiếp tại cơ quan cung cấp hay ở cơ sở, chưa thực hiện cung cấp trực tuyến. Khách hàng phần lớn chưa thật sự hài lòng về các dịch vụ họ nhận được. Các dịch vụ công được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân có hiệu quả và sự hài lòng cao hơn so với các cơ quan quản lý Nhà nước. Tuy nhiên, chi phí cho những dịch vụ cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tư nhân thường cao hơn so với các cơ quan quản lý Nhà nước và chưa thật sự phù hợp với các tác nhân. Các tác nhân sản xuất hiện nay vẫn chủ yếu còn hoạt động đơn lẻ, tỷ lệ tham gia vào chuỗi còn thấp nên gây ra nhiều khó khăn trong việc cung cấp các dịch vụ công lẫn việc tuyên truyền, phổ biến các dịch vụ công đến từng tác nhân. Để cung cấp dịch vụ công tốt hơn, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp các dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn ở Hà Nội. Theo đó, cần phải: (1) Điều chỉnh lại các dịch vụ công theo quan điểm từ tiền kiểm sang hậu kiểm, giảm bớt các dịch vụ của cơ quan nhà nước và tăng cường sự tham gia của các đơn vị sự nghiệp và khu vực tư nhân; (2) Xác định lại nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công; (3) Đổi mới phương thức cung cấp các dịch vụ công, áp dụng

và kết hợp linh hoạt các phương thức truyền thống với phương thức cung cấp trực tuyến; (4) Đổi mới cơ chế phí và giá cung cấp dịch vụ công, thực hiện cơ chế giá dịch vụ công; (5) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phổ biến các dịch vụ công tới các tác nhân chưa tham gia chuỗi và các chuỗi sản xuất đang hoạt động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính (2012). Biểu mức thu phí kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật. Ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Bộ Tài chính (2016). Thông tư số 279/2016/TT-BTC về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Ban hành ngày 14/11/2016.
- Bộ Tài chính (2016). Thông tư số 285/2016/TT-BTC về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. Ban hành ngày 14/11/2016.
- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2018). Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2018.
- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2018). Báo cáo Kết quả thực hiện các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Chi cục Thú y (2018). Báo cáo Tổng kết công tác Thú y năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018.
- Chính phủ (2018). Nghị định 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Ban hành ngày 2/2/2018.
- Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà (2016). Phát triển chuỗi giá trị an toàn thực phẩm phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp: trường hợp rau Đà Lạt và thịt lợn ở Đồng Nai. Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2016. tr. 160-169.
- Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung và Nguyễn Thị Thiêm (2016). Chuỗi giá trị nông sản ở vùng Tây Bắc: Thực trạng và định hướng phát triển. Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2016. tr. 170-181.
- Đỗ Quang Giám, Lê Thanh Hà, Đồng Thanh Mai (2015). Các yếu tố tác động tới chuỗi giá trị sản

- phẩm đặc sản ôi Đông Dư. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 13(3): 455-463.
- Đỗ Thị Diệp, Nguyễn Hữu Giáp (2016). Phát triển chuỗi giá trị lúa gạo trong bối cảnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam. Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2016.
- Nguyễn Thị Dương Nga, Giang Hương, Ninh Xuân Trung, Nguyễn Thị Lý (2016). Phân tích chuỗi giá trị thịt lợn tỉnh Hưng Yên. Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2016. Tr. 103-114.
- Nguyễn Thị Thúy Vinh (2014). Phát triển chuỗi giá trị thủy sản ở Nghệ An. Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Văn Tú và Đỗ Kim Chung (2016). Chuỗi giá trị mận tại Mộc Châu: Thực trạng và định hướng phát triển. Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2016. Tr. 149-159.
- Sở Công thương thành phố Hà Nội (2017). Báo cáo Tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2018 của Sở Công thương Hà Nội.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội (2018). Báo cáo Kết quả 02 năm thực hiện Dự án “Chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020”
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội (2018). Báo cáo Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp năm 2018.
- Trung tâm Phát triển chăn nuôi Hà Nội (2018). Báo cáo về Thực trạng kết quả xây dựng chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- UBND thành phố Hà Nội (2018). Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, Ban hành kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.